

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tên Công ty/Name of Company: Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp  
Năm báo cáo/Year: 2015

### I. Thông tin chung/ General information

#### 1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên tiếng việt: Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
- Tên giao dịch: Bảo hiểm Agribank
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: Giấy phép điều chỉnh gần nhất số: 38GP/GPĐC4 /KDBH do Bộ tài chính cấp ngày 07/01/2015.
- Vốn điều lệ: 380.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 6 nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy - Cầu Giấy- Hà Nội
- Số điện thoại: 04.62990055
- Số FAX: 04.62580055
- Website: Abic.com.vn
- Mã cổ phiếu: ABI

Công ty chính thức khai trương hoạt động ngày 08/08/2007, năm 2008 là năm đầu Công ty đi vào hoạt động và đã đạt doanh thu phí bảo hiểm gốc 132.000 triệu đồng. Từ năm 2009 đến 2015, Công ty luôn đạt tốc độ tăng doanh thu phí bảo hiểm cao hơn mức tăng trưởng bình quân trên thị trường, năm 2015 Công ty đã đạt Doanh thu phí bảo hiểm 824.802 triệu đồng, trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc 784.452 triệu đồng, doanh thu nhận tái bảo hiểm 40.351 triệu đồng.

Kế hoạch năm 2016 Công ty đạt mức doanh thu 1.000.000 triệu đồng phí bảo hiểm.

#### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, đầu tư tài chính và kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.
- Địa bàn kinh doanh: Trong lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

##### 3.1 Cơ cấu tổ chức của Công ty

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển, bổ nhiệm miễn nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

### **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

### **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

### **Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

### **Các Phòng Ban Công ty:**

- Ban kiểm tra kiểm soát nội bộ
- Ban quản lý rủi ro
- Phòng Tài sản kỹ thuật
- Phòng Hàng hải
- Phòng Phi Hàng hải
- Phòng Tái bảo hiểm
- Phòng Quản lý đại lý và PTHT
- Phòng Giám định bồi thường
- Phòng Kế toán - Tài chính
- Phòng Đầu tư vốn
- Phòng Tổ chức hành chính
- Phòng Thư ký pháp chế
- Phòng Công nghệ thông tin

## **3.2 Mạng lưới hoạt động của Công ty**

### **3.2.1 Trụ sở chính – ABIC**

- Địa chỉ: Tầng 6 nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy - Trung Hòa - Cầu Giấy Hà Nội
- Điện thoại: 04.37622555 Fax: 04.37622055

### **3.2.2 Chi nhánh ABIC – Hà Nội**

- Địa chỉ: 343 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
- Điện thoại: 04.62754455 Fax: 04.62754466

### **3.2.3 Chi nhánh ABIC – TP Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: 38 Phan Đăng Lưu – Phường 57 – Quận Phú Nhuận - TP HCM
- Điện thoại: 08.38249797 Fax: 08.38249855
- 3.2.4 Chi nhánh ABIC – Đà Nẵng
- Địa chỉ: Số 1 Tổng phước Phổ - Quận Hải Châu – TP Đà Nẵng
- Điện thoại: 05.113699222 Fax: 05.112699224
- 3.2.5 Chi nhánh ABIC – Nghệ An
- Địa chỉ: Số 371A Nguyễn Văn Cừ - TP Vinh – Nghệ An
- Điện thoại: 0383.837177 Fax: 0383.837766
- 3.2.6 Chi nhánh ABIC – Đắk Lắk
- Địa chỉ: Số 06 Trần Hữu Dực – Phường Tân Lợi – TP Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk
- Điện thoại: 05.003.957.697 Fax: 05.003.957.695
- 3.2.7 Chi nhánh ABIC – Hải Phòng
- Địa chỉ: T6 số 62-64 Tôn Đức Thắng – Lê Chân – Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.637.555 Fax: 0313.719.555
- 3.2.8 Chi nhánh ABIC – Khánh Hòa
- Địa chỉ: Số 66 Nguyễn Thị Minh Khai – TP Nha Trang – Khánh Hòa
- Điện thoại: 058.3510.066 Fax: 058.3510.077
- 3.2.9 Chi nhánh ABIC – Cần Thơ
- Địa chỉ: Số 146 Trần Văn Hoài - Phường Xuân Khánh -Q. Ninh Kiều-TP Cần Thơ
- Điện thoại: 0710.3782.266 Fax: 0710.3782.288
- 3.2.10 Chi nhánh ABIC – Thanh Hóa
- Địa chỉ: T2 Khu nhà 11-Phan Chu Chinh- Phường Điện Biên-TP Thanh Hóa
- Điện thoại: 0373.718.456 Fax: 0373.717.718
- 3.2.11 Chi nhánh ABIC- Phú Thọ
- Địa chỉ: Số 1674 đại lộ Hùng Vương – Phường Gia Cẩm –TP Việt Trì – Phú Thọ
- Điện thoại: 0210.3818.528 Fax: 0210.3818.529

#### 4. Định hướng phát triển/ Development orientations

Mục tiêu chiến lược là đưa ABIC trở thành một doanh nghiệp bảo hiểm có uy tín về chất lượng và phong cách phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, nhất là đạt uy tín hàng đầu trong công tác giám định tổn thất, giải quyết khiếu nại, chi trả tiền bồi thường nhanh chóng, minh bạch và chính xác cho khách hàng.

Ngoài việc tham gia cung cấp các sản phẩm bảo hiểm như các doanh nghiệp bảo hiểm khác trên thị trường, ABIC sẽ tập trung vào những sản phẩm bảo hiểm mới hướng về khu vực nông nghiệp nông thôn, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ tài chính, tăng cường chia sẻ rủi ro cho khu vực nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới theo đường lối của Đảng và Nhà Nước.

#### 5. Các rủi ro/ Risks:

Kinh doanh bảo hiểm là thực hiện kinh doanh rủi ro, trong đó nhận các rủi ro thảm họa từ người mua bảo hiểm sau đó thực hiện phân tán và chuyển giao rủi ro cho thị trường tái bảo hiểm trong nước và quốc tế, công việc đòi hỏi kỹ thuật chuyên môn nhất định, nếu thực hiện không tốt sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp .

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2015	TH 2015	TH/KH
<b>I.</b>	<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>816,500</b>	<b>872,663</b>	<b>106.9%</b>
1	Phí Bảo hiểm gốc	746,500	784,452	105.1%
2	Phí nhận tái bảo hiểm	25,000	40,351	161.4%
3	Doanh thu đầu tư tài chính	45,000	47,524	105.6%
4	Thu nhập khác		336	-
<b>II.</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>100,000</b>	<b>105,081</b>	<b>105.1%</b>

### 2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource

#### 2.1 Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân của Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
1	Hoàng Thị Tính	Tổng giám đốc		0,11
2	Đỗ Minh Hoàng	Phó Tổng giám đốc		0,18
3	Mai Sinh	Phó Tổng giám đốc		0,11
4	Quách Tá Khang	Phó Tổng giám đốc		0,09
5	Nguyễn Tiên Hải	Phó Tổng giám đốc		0,15

Tóm tắt lý lịch ban điều hành:

#### a) Bà Hoàng Thị Tính – Tổng giám đốc.

- Ngày tháng năm sinh: 03/05/1964.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Kinh nghiệm Công tác:
  - + Từ 1985 đến 1991: Nhân viên kế toán NHNo huyện Giao Thủy – Nam Định;
  - + Từ 1991 đến 1992: Giám định viên NHNo huyện Giao Thủy – Nam Định;
  - + Từ 1992 đến 1997: Phó trưởng phòng Kế toán NHNo huyện Giao thủy – Nam Định;
  - + Từ 4/1997 đến 7/1998: Trưởng phòng Kế toán NHNo Giao Thủy – Nam Định;
  - + Từ 8/1998 đến 11/1999: Cán bộ kế toán Sở kinh doanh Hối đoái NHNo&PTNT VN;
  - + Từ 12/1999 đến 7/2004: Phó Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ-Sở giao dịch NHNo&PTNT VN;
  - + Từ 8/2004 đến 9/2006: Kiểm tra trưởng Sở giao dịch NHNo&PTNT VN;
  - + từ 10/2006 đến 5/2007: Thành viên ban trụ bị thành lập ABIC;
  - + Từ 5/2007 đến 11/2007: Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty CP Bảo hiểm NHNo;

- + Từ 11/2007 đến 12/09/2010: Kế toán trưởng – Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- + Từ 13/09/2010 đến 08/06/2014 Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
- + Từ 09/06/2014 đến nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

b) Ông Đỗ Minh Hoàng- Phó Tổng giám đốc:

- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1966
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng Bảo hiểm; Cử nhân Luật; Kiểm toán viên nhà nước, chứng chỉ đào tạo các nhà lãnh đạo DNBH, trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- Kinh nghiệm công tác:
  - + Từ 1990 đến 1994: TP Bảo hiểm Sóc Sơn – Bảo hiểm HN;
  - + Từ 1994 đến 1996: TP Bảo hiểm HBT- Bảo Việt Hà Nội;
  - + Từ 1996 đến 1997: Phó phòng Bảo hiểm Phi Hàng Hải – Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 1997 đến 1998: Trưởng đại diện Chi nhánh Bảo Minh Hải Dương;
  - + Từ 1998 đến 2000: Phó phòng Phi Hàng Hải – Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 2000 đến 2004: Trưởng phòng khu vực 8- Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 2004 đến 2006: Kiểm toán viên Nhà nước – CQ kiểm toán Nhà nước;
  - + Từ 5/2006 đến 5/2007: Chuyên viên Ban trù bị thành lập ABIC;
  - + từ 5/2007 đến 18/05/2010: Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
  - + Từ 18/05/2010 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

c) Ông Quách Tá Khang- Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 06/06/1964.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông, cao cấp lý luận chính trị,
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Kinh nghiệm công tác:
  - + Từ 1998 đến 12/1994: Cán bộ Phòng lao động tiền lương & Phòng kế toán tài vụ - C.ty xây dựng công trình đường thủy 2;
  - + Từ 01/1995 đến 12/1995: Cán bộ Phòng tài chính kế toán - Công ty vận tải xăng dầu đường thủy 1;
  - + Từ 12/1995 đến 3/2000: Trưởng phòng kế toán tổng hợp - Chi nhánh C.ty CP Bảo hiểm Petrolimex Hải Phòng;
  - + Từ 4/2000 đến 3/2004: Trưởng phòng tài chính kế toán - Chi nhánh C.ty CP Bảo hiểm Petrolimex TP.HCM;



- + Từ 4/2004 đến 9/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex Bình Dương;
- + Từ 10/2005 đến 7/2008: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex Bình Dương;
- + Từ tháng 7/2008 đến 7/2011: Giám đốc Chi nhánh ABIC TP. HCM.
- + Từ tháng 7/2011 đến nay giữ chức Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh ABIC TP. HCM.

d) Ông Mai Sinh – Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 20/11/1961
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ:
- Quá trình công tác:
  - + Từ 9/1986 đến 11/1989: Cán bộ Công ty Bảo hiểm Hà Nội;
  - + Từ 12/1989 đến 7/1990: Phó phòng Bảo hiểm phương tiện - Bảo Việt Hà Nội;
  - + Từ 8/1990 đến 11/1994: Phó phòng phụ trách phòng Bảo hiểm phi hàng hải - Bảo Việt Hà Nội;
  - + Từ 12/1994 đến 7/1995: Cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;
  - + Từ 8/1995 đến 2/1996: Phó Giám đốc phụ trách phòng Thông tin - Pháp lý và Quan hệ quốc tế - Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;
  - + Từ 3/1996 đến 7/1996: Cán bộ Công ty BH TP. Hồ Chí Minh - Bảo Minh Chi nhánh Hà Nội;
  - + Từ 8/1996 đến 12/1997: Phó phòng PHH phụ trách bộ phận đại lý - Cộng tác viên - Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 01/1997 đến 8/1998: Trưởng phòng ĐDBH Bảo Minh Nghệ An;
  - + Từ 9/1998 đến 02/1999: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Bảo Minh Nghệ An;
  - + Từ 03/1999 đến 4/2000: Trưởng phòng nghiệp vụ Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 7/2001 đến 12/2004: Trưởng phòng Công nghệ và dịch vụ thông tin - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
  - + Từ 1/2005 đến 4/2005: Trưởng phòng Thông tin tuyên truyền - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
  - + Từ 4/2005 đến 7/2006: Trưởng văn phòng đại diện Bảo Minh tại Hà Nội;
  - + Từ 8/2006 đến 6/2007: Chuyên viên Ban trù bị thành lập Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
  - + Từ 6/2007 đến 30/8/2012: Trưởng Phòng Quản lý Đại lý & PTHT Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
  - + Từ 1/9/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

e) Ông Nguyễn Tiến Hải – Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 12/08/1975

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế luật kinh tế và quản lý chuyên ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm
- Trình độ ngoại ngữ:
- Quá trình công tác:
  - + Từ 1997 đến 4/1998: Cán bộ Công ty phần mềm kế toán - Công ty Bảo Việt Bà Rịa - Vũng Tàu;
  - + Từ 5/1998 đến 9/1998: Cán bộ Phòng giám định - Công ty Bảo hiểm Nhà rồng (Chi nhánh Hà Nội);
  - + Từ 10/1998 đến 12/2002: Cán bộ Phòng kế toán, Phòng Kinh doanh Công ty Bảo Minh Hà Nội;
  - + Từ 01/2003 đến 10/2006: Phụ trách phòng Kinh doanh Bảo hiểm PJICO;
  - + Từ 11/2006 đến 7/2007: Trưởng phòng Tài sản - Bảo Minh Thăng Long;
  - + Từ 25/7/2007 đến 23/9/2012: Trưởng Phòng TSKT Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
  - + Từ 24/9/2012 đến 30/6/2014: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội thuộc Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
  - + Từ 01/7/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;

## 2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2015

*(Không thay đổi)*

## 2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động

- Nhân sự toàn Công ty tính đến 31/12/2015 là: 528 cán bộ- nhân viên.
- Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo doanh thu phí bảo hiểm thực hiện và hiệu quả kinh doanh theo quy định văn bản số: 1899/2014/QĐ-ABIC-KTTC quy định về Quỹ thu nhập trong toàn Công ty. Đây là văn bản nền tảng điều chỉnh về cơ chế phân phối tiền lương cho người lao động, gắn việc phân phối tiền lương với kết quả kinh doanh cuối cùng. Ngoài ra các chế độ BHXH, BHYT, luôn được đảm bảo đầy đủ đối với người lao động.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: (không có)
- b) Các công ty con, công ty liên kết: (Không có)

## 4. Tình hình tài chính/ Financial situation

- a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu thuần hoạt động KDBH	10	699.409.449.505	552.290.468.736
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	47.524.269.244	43.199.471.926
3. Thu nhập khác	13	335.787.675	690.584.850
4. Tổng chi phí hoạt động KDBH	20	(385.075.237.427)	(253.537.339.465)

5. (Chi phí)/thu nhập hoạt động tài chính	22	(64.834.352)	5.196.694.545
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(256.952.134.672)	(199.764.282.486)
7. Chi phí khác	24	(95.487.072)	(139.314.949)
<b>8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>105.081.812.901</b>	<b>147.936.283.157</b>
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(23.254.269.288)	(32.700.422.447)
<b>10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN</b>	<b>60</b>	<b>81.827.543.613</b>	<b>115.235.860.710</b>
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	<b>1.903</b>	<b>3.128</b>

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2014
<b>1.</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	28,97	11,83
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	71,03	88,17
<b>2.</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	56,93	53,58
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	43,07	46,42
<b>3.</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,595	2,186
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,598	2,189
<b>4.</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	8,12	12,92
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,70	20,87
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	14,69	21,68

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.**

a) Cổ phần/Shares:

Tổng số cổ phần của Công ty: 38.000.000 CP mệnh giá 10.000 đồng, trong đó: Cổ phần phổ thông: 38.000.000 CP, cổ phần ưu đãi: (Không có), cổ phần hạn chế chuyển nhượng: (Không có).

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 36.841.800 CP, tổng số cổ phần chưa lưu hành (Cổ phiếu quỹ): 1.158.200 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

▪ Cổ đông lớn:

- Các cổ đông lớn sở hữu: 22.700.000 CP chiếm: 59,74% cổ phần của Công ty

Danh sách các cổ đông lớn của Công ty:

- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam, địa chỉ số 2 Láng Hạ, Ba Đình- Hà Nội, sở hữu 19.500.000 CP chiếm 51,32% Vốn điều lệ.

- Tổng công ty Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam, địa chỉ 141 Lê Duẩn – Hoàn Kiếm – Hà Nội, sở hữu 3.200.000 CP, chiếm 8,42% Vốn điều lệ.

▪ Cổ đông nhỏ:

Tổng sở hữu của các cổ đông nhỏ là: 14.141.800 CP, chiếm: 37,22% cổ phần của Công ty.



- Cổ đông sở hữu nhà nước:
- Tổng sở hữu của cổ đông nhà nước là: 19.500.000 CP, chiếm: 51,32% cổ phần của Công ty.
- Danh sách các cổ đông nhà nước:

TT	Tên cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ %
1	Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	19.500.000	51,32

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:  
(Năm 2015 vốn điều lệ của Công ty không thay đổi)
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2015:  
(không có)
- e) Các chứng khoán khác:  
(Không có)

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc/Report and assessment of the Board of Management:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh/Assessment of operating results

##### 1.1 Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

- Doanh thu phí bảo hiểm: Tính đến ngày 31/12/2015 tổng doanh thu bảo hiểm toàn Công ty đạt 824.803 triệu đồng, trong đó:
  - Doanh thu BH gốc 784.452 triệu đồng tăng trưởng 24,0% so với năm 2014.
  - Doanh thu nhận tái BH 40.351 triệu tăng trưởng 66,7% so với năm 2014.

##### 1.2 Hoạt động đầu tư tài chính

- Tổng đầu tư tài chính 861.725 triệu đồng, trong đó:
  - Tiền gửi kỳ hạn 13 tháng 228.000 triệu đồng;
  - Tiền gửi kỳ hạn 12 tháng 633.725 triệu đồng.
- Doanh thu đầu tư tài chính thực hiện 47.524 triệu đồng đạt 105,6 % kế hoạch.

##### 1.3 Kết quả kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế năm 2015 công ty thực hiện 105.081 triệu đồng, so với năm 2014 giảm 29%, đạt 105,1% kế hoạch.

*(Lợi nhuận trước thuế 2015 giảm 29% là do: Năm 2014 là năm đầu tiên thực hiện hạch toán chi phí hoa hồng chờ phân bổ theo Thông tư 232/2013/TT-BTC nên đã làm tăng lợi nhuận 47.540 triệu đồng, nếu loại trừ yếu tố này thì lợi nhuận năm 2015 tăng 4.685 triệu đồng đạt mức tăng trưởng 4,7% so với năm 2014).*

#### 2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công ty đã dần hoàn thiện xây dựng mô hình kênh phân phối sản phẩm qua hệ thống Đại lý Ngân hàng Nông nghiệp bước đầu phát triển thành công sản phẩm Bảo An Tín dụng, mở ra hướng phát triển các sản phẩm phục vụ khu vực Nông nghiệp Nông thôn.

Cơ chế quản lý thông qua công tác khoán kinh doanh đã được Công ty từng bước hoàn thiện và đã phát huy được hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

#### 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

##### 3.1 Mục tiêu định hướng kinh doanh năm 2016:

- Doanh thu phí bảo hiểm tăng trưởng 18% so với năm 2015
- Lợi nhuận trước thuế phần đầu tăng trưởng 10% so với năm 2015
- Cổ tức chi trả phần đầu đạt 12%.

### 3.2 Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tiếp tục khai thác thị trường truyền thống, tập trung nguồn lực phát triển mô hình kênh phân phối Bancassurance, lấy khu vực nông nghiệp nông thôn, nông dân làm thị trường chủ đạo.

Mục tiêu chiến lược là đưa ABIC trở thành một doanh nghiệp bảo hiểm có uy tín về chất lượng và phong cách phục vụ khách hàng, chuyên nghiệp trong công tác giám định tổn thất, giải quyết khiếu nại, chi trả tiền bồi thường thuận lợi, minh bạch, nhanh chóng và chính xác. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích của khách hàng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và an sinh xã hội.

## **IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance**

- Ban Tổng Giám đốc công ty gồm 5 thành viên (Tổng Giám đốc và 4 Phó Tổng Giám đốc, trong đó 1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực phía Nam) đã thực hiện tốt việc phân công công việc, phân cấp và uỷ quyền đảm bảo điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty, bao quát toàn bộ các chi nhánh theo khu vực địa lý.
- Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo Công ty tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị công ty, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt thực tiễn hoạt động kinh doanh để có quyết định điều chỉnh phù hợp.
- Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ công ty và theo đúng định hướng của Hội đồng quản trị, thực hiện hoàn thành và vượt mức kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị giao.

### **2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors**

Hoạt động của HĐQT công ty trong năm 2016 sẽ tập trung vào một số lĩnh vực sau:

- Năm 2016, HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 các nội dung cần được thông qua và phê duyệt theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Duy trì nghiêm túc hoạt động của HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, nâng cao năng lực, hiệu quả giám sát của HĐQT đối với các hoạt động điều hành kinh doanh thường xuyên của công ty.
- Phát huy tính chủ động của các thành viên HĐQT trong việc quản lý, giám sát và hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động kinh doanh theo nhiệm vụ được phân công.

- Kiện toàn bộ máy tổ chức tại Trụ sở chính và các chi nhánh theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Xây dựng cơ chế phát triển nguồn nhân sự có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tiễn kinh doanh.
- Nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm bảo hiểm hiện đang phân phối trên thị trường, phát triển một số sản phẩm bảo hiểm phù hợp với đặc thù kinh doanh của hệ thống Agribank.
- Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa và ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình ... về nghiệp vụ bảo hiểm và công tác quản trị, công tác kiểm tra giám sát, tăng cường vai trò công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ.
- Tiếp tục chỉ đạo công ty thực hiện hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược kinh doanh 5 năm (2012-2017) đã được ĐHCĐ năm 2012 phê duyệt.

## V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

### 1. Hội đồng quản trị/ *Board of Directors*

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:*

Thành viên HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân của thành viên HĐQT

TT	Họ và Tên	Chức danh	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Đình Việt Đông	Chủ tịch HĐQT		0
2	Hoàng Thị Tính	Phó Chủ tịch HĐQT	Kiểm TGD	0,11
3	Đặng Thế Vinh	Thành viên	Không điều hành	0
4	Dương Văn Thành	Thành viên	Không điều hành	0
5	Lê Hồng Quân	Thành viên	chuyên trách	0

#### b) Các tiểu ban thuộc HĐQT/*The committees of the Board of Director:* (Không có)

#### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors:*

##### ▪ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Số TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Đình Việt Đông	Chủ tịch HĐQT		4/4	100%	
2	Hoàng Thị Tính	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD		4/4	100%	
3	Lê Hồng Quân	Thành viên	12/10/2015	2/4		
	Phạm Đức Tuấn	Thành viên	12/10/2015	2/4		
4	Đặng Thế Vinh	Thành viên		4/4	100%	
5	Dương Văn Thành	Thành viên		4/4	100%	

▪ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

Công ty ABIC thực hiện hoạt động giám sát của HĐQT với Tổng Giám đốc theo đúng các quy định của Pháp luật, cụ thể như:

HĐQT, Chủ tịch HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hoạt động giám sát của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đối với Tổng giám đốc được thực hiện qua các cách thức khác nhau như:

- Thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn giữa HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc;
  - Thông qua các báo cáo chi tiết đầy đủ, kịp thời của Tổng giám đốc về tiến độ thực hiện, những khó khăn vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý;
  - Thông qua Ban Kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT, Phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Tổng giám đốc;
  - Các văn bản do Ban Tổng Giám đốc ban hành liên quan đến nhân sự, cơ chế kinh doanh, quản lý rủi ro hoạt động....đều được gửi đến các thành viên HĐQT và BKS công ty.
  - Hàng tháng các thành viên Ban Tổng Giám đốc trực tiếp báo cáo kết quả công việc với Chủ tịch HĐQT tại Hội nghị giao ban.
  - Các thành viên HĐQT chủ động thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát trong phạm vi được phân công, thực hiện các hoạt động hỗ trợ các đơn vị chi nhánh. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT được báo cáo với HĐQT tại các kỳ họp.
- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*  
(*Công ty không có thành viên HĐQT độc lập*)
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*  
(*không có*)

**2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors:*

Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên trong đó có 1 Trưởng ban chuyên trách, 1 thành viên chuyên trách và 1 thành viên không chuyên trách.

b) Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ (*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
1	Mai Khánh Chung	Trưởng ban		0,13
2	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên		0,014
3	Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên		0,001

c) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors:*

▪ Các cuộc họp của ban kiểm soát:

Năm 2015 Ban kiểm soát đã tổ chức họp 5 lần cụ thể như sau:

- Ngày 04/03/2015 Thông báo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp năm 2014 và phân công các thành viên kiểm tra giám sát Báo cáo tài chính năm 2014, lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Triển khai công tác hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015.
  - Ngày 08/04/2015 Ban kiểm soát họp để thống nhất thông qua nội dung dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát ABIC trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
  - Ngày 18/06/2015 Họp thông báo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp 5 tháng đầu năm 2015; Phân công lại nhiệm vụ cho thành viên Ban kiểm soát; chuẩn bị cho báo cáo kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015.
  - Ngày 27/08/2015 Họp thông qua dự thảo Báo cáo đánh giá hoạt động của ABIC năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015.
  - Ngày 06/11/2015 Ban kiểm soát họp triển khai công tác kiểm tra và giám sát hoạt động kinh doanh tại các chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp 10 tháng đầu năm 2015
- Hoạt động khác của ban kiểm soát
- Tham gia các hội nghị sơ kết, tổng kết và theo dõi các phong trào thi đua do công ty và các chi nhánh trực thuộc tổ chức phát động thi đua.
  - Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh lên Đại hội đồng cổ đông thường niên tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
  - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2014.
  - Tham dự thông qua các biên bản kiểm tra của đoàn kiểm tra kiểm toán nội bộ năm 2015.
  - Tổ chức kiểm tra kiểm soát các hoạt động đối với các chi nhánh trực thuộc công ty trong năm 2015.
  - Tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt tình hình triển khai công tác kinh doanh của toàn công ty.
  - Phối hợp và kết hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc, Các phòng nghiệp vụ trụ sở chính và các chi nhánh trực thuộc trong quá trình kiểm tra giám sát để hoàn thành nhiệm vụ.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ **Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors**
- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/**Salary, rewards, remuneration and benefits:**



Đơn vị: đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Tiền lương	Thù lao
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>			<b>1,434,409,091</b>	<b>495,000,000</b>
1	Đình Việt Đông	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	12	757,500,000	
2	Hoàng Thị Tính	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	12	596,000,000	
3	Lê Hồng Quân	Thành viên chuyên trách	3	80,909,091	
4	Đặng Thế Vinh	Thành viên	12		180,000,000
5	Dương Văn Thành	Thành viên	12		180,000,000
6	Phạm Đức Tuấn	Thành viên	9		135,000,000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			<b>653,354,167</b>	<b>60,000,000</b>
1	Mai Khánh Chung	Trưởng ban	12	446,000,000	
2	Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên chuyên trách	7	207,354,167	
3	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên	12		60,000,000
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>			<b>1,768,456,000</b>	
1	Đỗ Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	12	518,500,000	
2	Mai Sinh	Phó Tổng Giám đốc	12	482,250,000	
3	Nguyễn Tiến Hải	Phó Tổng Giám đốc	12	446,000,000	
4	Quách Tá Khang	Phó Tổng Giám đốc	12	321,706,000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>139</b>	<b>3,856,219,258</b>	<b>555,000,000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu ABIC sở hữu 31/12/2014	Số cổ phiếu ABIC sở hữu 31/12/2015	Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Số cổ phiếu	
1	Trần Văn Vân	Chồng bà Hoàng Thị Tính	88.000	153.000	Mua 65.000
	<b>Tổng</b>		<b>88.000</b>	<b>153.000</b>	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders:*

(Không có)

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance:*

## VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

### 1. Ý kiến kiểm toán/ *Auditor's opinions*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements

### 2.1 Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
					(phân loại lại)
	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>918.658.283.520</b>	<b>1.009.764.485.637</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>82.764.644.878</b>	<b>178.685.410.954</b>
1	Tiền	111		44.764.644.878	50.185.410.954
2	Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	128.500.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>633.725.291.700</b>	<b>589.500.000.000</b>
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		633.725.291.700	589.500.000.000
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.385.217.925</b>	<b>122.421.771.622</b>
1	Phải thu của khách hàng	131	7	51.063.378.504	105.127.553.463
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		29.530.802.265	85.745.126.129
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		21.532.576.239	19.382.427.334
2	Trả trước cho người bán	132		791.759.309	1.796.662.118
4	Phải thu ngắn hạn	136	8	19.219.199.012	19.781.788.125
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(4.689.118.900)	(4.284.232.084)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.638.542.877</b>	<b>1.492.794.996</b>
1	Hàng tồn kho	141		1.638.542.877	1.492.794.996
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>70.511.764.836</b>	<b>57.369.820.085</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	68.513.084.331	55.012.500.606
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		68.513.084.331	55.012.500.606
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		1.998.680.505	2.357.319.479
<b>VII</b>	<b>Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>18</b>	<b>63.632.821.304</b>	<b>60.294.687.980</b>
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		26.222.178.235	28.504.275.547
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái BH	192		37.410.643.069	31.790.412.433
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>374.754.785.374</b>	<b>135.504.071.962</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>11</b>	<b>6.240.968.670</b>	<b>6.243.968.670</b>
1	Phải thu dài hạn khác	216		6.240.968.670	6.243.968.670

1.1	Ký quỹ bảo hiểm	216 .1		6.000.000.000	6.000.000.000
1.2	Phải thu dài hạn khác	216 .2		240.968.670	243.968.670
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>134.508.815.821</b>	<b>124.417.470.480</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	12	72.721.598.562	77.173.569.673
	- Nguyên giá	222		103.676.959.945	100.843.714.490
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.955.361.383)	(23.670.144.817)
3	Tài sản cố định vô hình	227	13	61.787.217.259	47.243.900.807
	- Nguyên giá	228		63.938.089.433	48.688.273.070
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.150.872.174)	(1.444.372.263)
<b>V</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>228.000.058.302</b>	<b>58.302</b>
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		228.000.058.302	58.302
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.004.942.581</b>	<b>4.842.574.510</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		6.004.942.581	4.842.574.510
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.293.413.068.894</b>	<b>1.145.268.557.599</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>736.372.929.606</b>	<b>613.637.703.436</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>734.560.455.657</b>	<b>611.165.506.735</b>
1	Phải trả cho người bán	311	15	47.407.501.311	64.163.684.614
1.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311 .1		47.104.339.798	62.110.489.748
1.2	Phải trả khác cho người bán	311 .2		303.161.513	2.053.194.866
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	313	16	8.696.808.168	18.097.129.806
4	Phải trả người lao động	314		57.932.348.237	30.678.143.007
8	DT hoa hồng chưa được hưởng	318 .1		6.811.898.273	7.477.056.629
8	Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.989.623.249	5.956.961.806
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.916.283.827	23.474.275.339
13	Dự phòng nghiệp vụ	329	18	574.805.992.592	461.318.255.534
13	DP phí BH gốc và nhận tái BH	329 .1		411.527.688.580	327.341.026.315
13	DP BT BH gốc và nhận tái BH	329 .2		110.459.619.718	88.871.828.566
13	Dự phòng dao động lớn	329 .3		52.818.684.294	45.105.400.653
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.812.473.949</b>	<b>2.472.196.701</b>
1	Phải trả dài hạn khác	337		5.000.000	5.000.000
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		1.807.473.949	2.467.196.701
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>557.040.139.288</b>	<b>531.630.854.163</b>
	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>557.040.139.288</b>	<b>531.630.854.163</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		12.000.000.000	12.000.000.000

4	Cổ phiếu quỹ	414		(13.898.400.000)	(13.898.400.000)
3	Quỹ đầu tư phát triển	417		36.767.680.241	19.482.301.134
4	Quỹ dự trữ bắt buộc	419		21.473.317.671	17.381.940.490
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		120.697.541.376	116.665.012.539
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.293.413.068.894</b>	<b>1.145.268.557.599</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>					
1	Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm			49.152.621.817	24.178.274.128
2	Ngoại tệ các loại			998,26	831,28

## 2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm</b>	<b>1</b>	<b>20</b>	<b>740.616.376.286</b>	<b>601.450.359.924</b>
- Phí bảo hiểm gốc	1.1		784.451.781.752	632.693.721.139
- Phí nhận tái bảo hiểm	1.2		40.351.256.799	24.201.827.894
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái BH	1.3	18	(84.186.662.265)	(55.445.189.109)
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>2</b>	<b>21</b>	<b>(55.756.771.537)</b>	<b>(56.827.143.561)</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	2.1		(53.474.674.225)	(57.640.600.771)
- (Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	2.2	18	(2.282.097.312)	813.457.210
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần</b>	<b>3</b>		<b>684.859.604.749</b>	<b>544.623.216.363</b>
4. Hoa hồng nhượng tái BH và DT khác HĐKD BH	4		14.549.844.756	7.667.252.373
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.1		14.536.644.756	7.667.252.373
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.2		13.200.000	-
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh BH</b>	<b>10</b>		<b>699.409.449.505</b>	<b>552.290.468.736</b>
6. Chi bồi thường	11		(189.170.271.332)	(184.506.842.849)
- Tổng chi bồi thường	11.1	22	(193.382.869.952)	(199.024.473.088)
'- Khoản giảm trừ (Đòi người thứ 3, hàng xử lý BT)	11.2		4.212.598.620	14.517.630.239
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	23	10.029.755.069	37.486.266.560
8. (Tăng)/giảm dự phòng BT BH gốc và nhận tái BH	13	18	(21.587.791.152)	43.978.005.715
9. Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái BH	14	18	5.620.230.636	(44.677.010.124)
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b>	<b>15</b>		<b>(195.108.076.779)</b>	<b>(147.719.580.698)</b>
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16	18	(7.713.283.641)	(5.992.549.483)
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	24	(182.253.877.007)	(99.825.209.284)
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		(123.669.824.340)	(55.466.495.243)
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		(58.584.052.667)	(44.358.714.041)
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>18</b>		<b>(385.075.237.427)</b>	<b>(253.537.339.465)</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>19</b>		<b>314.334.212.078</b>	<b>298.753.129.271</b>
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	47.524.269.244	43.199.471.926
16. (Chi phí)/thu nhập hoạt động tài chính	24	26	(64.834.352)	5.196.694.545
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính</b>	<b>25</b>		<b>47.459.434.892</b>	<b>48.396.166.471</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	(256.952.134.672)	(199.764.282.486)
<b>19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>104.841.512.298</b>	<b>147.385.013.256</b>

20. Thu nhập khác	31		335.787.675	690.584.850
21. Chi phí khác	32		(95.487.072)	(139.314.949)
<b>22. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>240.300.603</b>	<b>551.269.901</b>
<b>23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>105.081.812.901</b>	<b>147.936.283.157</b>
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	(23.254.269.288)	(32.700.422.447)
<b>26. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>81.827.543.613</b>	<b>115.235.860.710</b>
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.903	3.128

### 2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị: Đồng

Danh Mục	Mã số	2015	2014
			(phân loại lại)
<b>I – Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền từ các khoản nợ phí và hoa hồng	2	808.191.087.663	625.900.407.332
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	3	22.990.273.023	9.852.460.574
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	4	1.238.905.156.436	655.305.846.237
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	5	(177.599.710.544)	(160.763.930.499)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của KDBH	6	(180.176.239.467)	(135.130.878.971)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	7	(100.181.567.255)	(81.052.946.843)
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	8	(99.779.835.801)	(102.610.115.173)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	9	(55.773.970.087)	(41.537.744.030)
9. Tiền trả cho các khoản phải trả khác	10	(1.278.035.562.109)	(822.614.224.637)
10. Tiền ứng trước cho người bán và tạm ứng cho CBNV	11	(59.403.059.350)	(51.853.800.984)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất KD</b>	<b>20</b>	<b>119.136.572.509</b>	<b>(104.504.926.994)</b>
<b>II – Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ đầu tư vào tiền gửi có kì hạn	21	98.500.000.000	12.549.274.581
2. Tiền thu từ lãi đầu tư	22	45.126.254.933	28.854.305.723
3. Tiền chi cho đầu tư vào tiền gửi có kì hạn	23	(296.725.291.700)	(153.963.482.390)
5. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	25	(18.083.061.818)	(19.890.287.308)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(171.182.098.585)</b>	<b>(132.450.189.394)</b>
<b>III – Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư	36	(43.875.240.000)	(37.377.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(43.875.240.000)</b>	<b>(37.377.500.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(95.920.766.076)</b>	<b>(274.332.616.388)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>178.685.410.954</b>	<b>453.018.018.342</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>82.764.644.878</b>	<b>178.685.410.954</b>
(Thuyết minh 5)			

#### Thuyết minh 5:



Tiền mặt tại quỹ	3.125.314.411	1.502.768.136
Tiền gửi ngân hàng	41.639.330.467	48.682.642.818
Các khoản tương đương tiền (i)	38.000.000.000	128.500.000.000
	82.764.644.878	178.685.410.954

- (i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND tại các chi nhánh của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”), hưởng lãi suất năm từ 4% đến 6% (31/12/2014: từ 4% đến 7,5%).

**Nơi nhận:**

- Ủy ban chứng khoán NN (để b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để b/c);
- Cục GSBH-BTC (để b/c);
- Lưu TCHC, ĐTV.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Hoàng Thị Linh*